

CÔNG TY CPXD ĐIỆN VNECO2

Số : 126 / VNECO2/TCKT

V/v: Giải trình về doanh thu và lợi nhuận

Q3/2016 giảm so với Q3/2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vinh, ngày 18 tháng 10 năm 2016

BẢN GIẢI TRÌNH

Chênh lệch lợi nhuận quý 3 năm 2016 so với quý 3 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội.

Căn cứ vào báo cáo tài chính quý 3 năm 2016 và quý 3 năm 2015.

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO2 có sự thay đổi về lợi nhuận sau thuế và doanh thu giữa hai kỳ báo cáo

1. Doanh thu giảm

Số liệu cụ thể như sau:

Doanh thu quý 3 năm 2015: 21.191.999.545 đồng.

Doanh thu quý 3 năm 2016: 3.382.290.886 đồng.

Công ty xin giải trình cụ thể:

Một số công trình đã ký kết hợp đồng nhưng do vướng mắc về đền bù, giải phóng mặt bằng... nên không triển khai được do đó doanh thu Q3/2016 giảm so với doanh thu Q3/2015.

2. Lợi nhuận giảm.

Số liệu cụ thể như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2015: 944.986.693 đồng.

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2016: 127.980.867 đồng.

Công ty xin giải trình cụ thể:

- Doanh thu quý 3 năm 2016: 3.382.290.886 đồng, thấp hơn doanh thu quý 3 năm 2015: 21.191.999.545 đồng, giảm 6,26 lần do đó lợi nhuận Q2/2016 giảm so với lợi nhuận Q2/2015.
- Chi phí hoạt động tài chính: khoản trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán quý 3/2016 lớn hơn quý 3/2015 là: 382.906.300 đồng. Đây là yếu tố khách quan làm giảm lợi nhuận quý 3/2016

Chúng tôi xin giải trình để UBCN nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhà đầu tư biết.

Trân trọng.

Nơi nhận :

- Như trên.
- Lưu VNECO2

Công ty CP xây dựng điện VNECO2

Giám đốc



NGUYỄN ĐẬU THẢO

CÔNG TY CPXD ĐIỆN VNECO2

Số : 126 / VNECO2/TCKT

V/v: Giải trình về doanh thu và lợi nhuận

Q3/2016 giảm so với Q3/2015

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vinh, ngày 18 tháng 10 năm 2016

BẢN GIẢI TRÌNH

Chênh lệch lợi nhuận quý 3 năm 2016 so với quý 3 năm 2015

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà nội.

Căn cứ vào báo cáo tài chính quý 3 năm 2016 và quý 3 năm 2015.

Công ty cổ phần xây dựng điện VNECO2 có sự thay đổi về lợi nhuận sau thuế và doanh thu giữa hai kỳ báo cáo

1. Doanh thu giảm

Số liệu cụ thể như sau:

Doanh thu quý 3 năm 2015: 21.191.999.545 đồng.

Doanh thu quý 3 năm 2016: 3.382.290.886 đồng.

Công ty xin giải trình cụ thể:

Một số công trình đã ký kết hợp đồng nhưng do vướng mắc về đền bù, giải phóng mặt bằng... nên không triển khai được do đó doanh thu Q3/2016 giảm so với doanh thu Q3/2015.

2. Lợi nhuận giảm.

Số liệu cụ thể như sau:

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2015: 944.986.693 đồng.

Lợi nhuận sau thuế quý 3 năm 2016: 127.980.867 đồng.

Công ty xin giải trình cụ thể:

- Doanh thu quý 3 năm 2016: 3.382.290.886 đồng, thấp hơn doanh thu quý 3 năm 2015: 21.191.999.545 đồng, giảm 6,26 lần do đó lợi nhuận Q2/2016 giảm so với lợi nhuận Q2/2015.
- Chi phí hoạt động tài chính: khoản trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán quý 3/2016 lớn hơn quý 3/2015 là: 382.906.300 đồng. Đây là yếu tố khách quan làm giảm lợi nhuận quý 3/2016

Chúng tôi xin giải trình để UBCN nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các nhà đầu tư biết.

Trân trọng.

Nơi nhận :

- Như trên.
- Lưu VNECO2

Công ty CP xây dựng điện VNECO2

Giám đốc



NGUYỄN ĐẬU THẢO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

QUÝ III NĂM 2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	01/01/2016	30/09/2016
A. Tài sản ngắn hạn	100		60.492.930.491	33.653.807.532
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.922.603.016	722.930.763
1. Tiền	111	V.1	1.922.603.016	722.930.763
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	4.735.698.400	3.750.402.800
1. Chứng khoán và công cụ tài chính kinh doanh	121		5.314.987.460	5.314.987.460
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(579.289.060)	(1.564.584.660)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	48.448.757.384	25.499.654.938
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		44.764.668.883	22.142.455.816
2. Trả trước cho người bán	132		23.435.683	200.869.145
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		4.653.779.265	4.103.732.694
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(993.126.447)	(993.126.447)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			45.723.730
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	5.266.458.749	3.256.239.923
1. Hàng tồn kho	141		5.266.458.749	3.256.239.923
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		119.412.942	424.579.108
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		19.806.942	424.579.108
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		99.606.000	
B. Tài Sản Dài Hạn	200		6.530.393.733	6.644.173.792
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220	V.5	6.122.873.716	6.468.180.890
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3.170.873.716	3.516.180.890
- Nguyên giá	222		13.360.007.994	13.996.325.029
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(10.189.134.278)	(10.480.144.139)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	2.952.000.000	2.952.000.000
- Nguyên giá	228		2.952.000.000	2.952.000.000
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dài hạn dở dang	240		286.154.257	
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		286.154.257	
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			30.000.000	30.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		30.000.000	30.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		91.365.760	145.992.902
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	91.365.760	145.992.902
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		67.023.324.224	40.297.981.324

